TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 11/2026/KDTM-PT	
Ngày: 08 - 07 - 2026	
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập;

Ông Phan Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2025/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ (tên gọi tắt B1).

Địa chỉ: T, Số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Danh T1 - Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 là:

Ông Cao Minh L - Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Ông Nguyễn Văn T2 - Chuyên viên pháp lý (vắng mặt).

Ông Quách Minh L1 - Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp (có mặt).

Bà Nguyễn Kim T3 - Chuyên viên quản lý khách hàng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ Phần C (gọi tắt là Công ty C).

Địa chỉ: Lô A, KCN L, đường số C, ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Nay là xã P, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Âu Ngọc V - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Kiêm Tổng giám đốc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ Phần C: Ông Phạm Xuân K, là Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

Do có kháng cáo của: Công ty Cổ Phần C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B2 (gọi tắt là Ngân hàng B1) và Công ty Cổ Phần C (gọi tắt là Công ty C) ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng sửa đổi bổ sung, nội dung cụ thể như sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 871/2014/2961756/HĐTD ngày 13/08/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng:

- Số tiền vay: 100 tỷ đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn);*

- Thời gian vay: 06 năm (kể từ ngày rút vốn vay lần đầu);

- Mục đích vay: Đầu tư nhà máy C1;

- Lãi suất cho vay trong hạn: 12%/năm, lãi suất thay đổi từng thời kì theo thông báo của Ngân hàng;

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng B1 đã giải ngân và Công ty C đã nhận nợ số tiền 99.997.586.736 đồng.

1.2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/2019/2961756/HĐTD ngày 26/07/2019 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng:

- Số tiền vay: 250 tỷ đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn, gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi);

- Thời gian vay: 12 tháng (kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 26/07/2020 theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể);

- Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất, chế biến thủy sản xuất khẩu. Chiết khấu, mở L2 phù hợp với quy định của Ngân hàng B1 từng thời kỳ;

- Lãi suất cho vay trong hạn: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, L2 phát hành;

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng B1 đã giải ngân và Công ty C đã nhận nợ số tiền 10.966.421,8 USD.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Công ty C đã ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng B1 theo các tài sản như sau:

STT	Hợp đồng thế chấp	Mô tả chi tiết TSBĐ	Hồ sơ pháp lý tài sản đảm bảo
1	**Hợp đồng thế chấp bất động sản số 136/2020/2961756/HĐBĐ ký ngày 20/08/2020**	Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất QSH nhà ở và TS khác gắn liền với đất số BR 633038 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 11/9/2014 - Diện tích: 3.883,8 m^2, mục đích: đất ở tại nông thôn. - Công trình: nhà ở công nhân, diện tích 1.999,48m^2.	Tài sản theo Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Cao Thị Niềm chứng nhận số **001957, quyển 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/08/2020**, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu ngày 21/08/2020.
2	**Hợp đồng thế chấp tài sản số 158/2014/2961756/HĐBĐ ký ngày 13/8/2014 và văn bản sửa đổi bổ sung**	02 Bộ tủ đông tiếp xúc Hệ thống băng chuyền tái đông IQF 600kg/h Hệ thống Băng chuyền IQF 500kg/h	Tài sản theo các Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Bạc Liêu chứng nhận **số 1425, quyển 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/08/2014,** được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/08/2014.
3	**Hợp đồng thế chấp tài sản số 105/2016/2961756/HĐBĐ ngày 19/6/2016**	Xe ô tô tải – Biển số 94C-026.09 Xe ô tô tải – Biển số 94C-026.52	Tài sản theo Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Bạc Liêu chứng nhận số **3902, quyển 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/09/2016,** được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 20/09/2016.
4	**Hợp đồng thế chấp tài sản số 140/2016/2961756/HĐBĐ ngày 12/12/2016**	Xe ô tô đầu kéo – Biển số 94C-028.95 Xe ô tô đầu kéo – Biển số 94C-029.47 Xe ô tô khách – Biển số 94B-004.04	Tài sản theo Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Cao Thị Niềm chứng nhận số **5193, quyển 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2016,** được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 15/12/2016.
5	Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2016/2961756/HĐBĐ ngày 30/5/2016	Thiết bị trạm biến áp 100KVA/800KW: Tổ máy phát điện Cummins power Generation Model C1100D5 Vật tư cơ khí tủ hoà đồng bộ cho ba máy phát điện hiệu Cummins power Generation Model C1100D5 - Băng tải chuyển tôm - Băng tải chế biến 1	Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 01/06/2016.

STT	Hợp đồng thế chấp	Mô tả chi tiết TSBĐ	Hồ sơ pháp lý tài sản đảm bảo
		- Băng tải chế biến 2	
		- Băng tải gom phụ phẩm	
		- Băng tải gom bán thành phẩm	
		- Máy phân cỡ tôm	
		- Băng tải phân cỡ + xếp khuôn	
		- Bàn chế biến phẳng	
		- Bàn chế biến nghiêng	
		Băng tải nhựa xếp khuôn + Băng tải máy phân cở + Băng tải cấp liệu + Băng tải ra hàng + Băng tải chuyền bán thành phẩm (Đi chung với hệ thống băng tải, xếp khuôn của HĐ số 18/2015/HĐMB – Cty Nhân Tâm)	
		Kệ chứa hàng Double Deep bằng thép	
		Xe nâng Pallet điện hiệu LINDE, ký hiệu T20SP + Bình điện dự phòng hiệu HOPPEKE	
		Xe nâng điện (mới) hiệu LINDE, model R20HD + Bình điện dự phòng	
		Tủ ấm vi sinh	
		Vật tư thiết bị điện: Cáp, đầu cosse, boulon, Long đền, băng keo điện	
		Bồn Inox 30.000L	
		Nồi hấp tiệt trùng loại đứng, model SA-300VF	
		Pallet P90307-2	
		Pallet gỗ	
		- Máy dán túi model ESPM-100	
		- Máy đóng đai thùng tự động model TP6000	
		- Máy đóng đai thùng tự động model TP2010ES	
		- Máy bơm nước Ebara 3D50-160/7.5	
		- Tủ điện điều áp tăng cường/ sa thải và luân phiên 02 bơm	
		Máy cắt tự động hình L, Model LB728, buồng co nhiệt model LB201	
		Thiết bị kỹ thuật phục vụ cho phòng Lab	
		Thùng cách nhiệt	
6	Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 159/2014/2961756/HĐBĐ ký ngày 13/8/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Dự án nhà máy chế biến thủy sản (tài sản hình thành trong tương lai)	Tài sản theo các Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Bạc Liêu chứng nhận số **1424, quyển 03TP/CC-SCC/HĐGD** ngày 14/08/2014, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản

STT	Hợp đồng thế chấp	Mô tả chi tiết TSBĐ	Hồ sơ pháp lý tài sản đảm bảo
			tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/08/2014.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng B1, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến hết ngày 15/06/2025, Công ty C còn nợ Ngân hàng B1 tổng số tiền: 28.718.564.082 đồng và 14.143.257,54 USD, trong đó:

- Dư nợ gốc:

+ Tiền VNĐ: 17.000.000.000 đồng *(Mười bảy tỷ đồng);*

+ Tiền USD: 10.688.794 USD *(Mười triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm chín mươi bốn đô la Mỹ).*

- Dư nợ lãi:

+ Tiền VNĐ: 11.718.564.082 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi hai đồng);

+ Tiền USD: 3.454.463,54USD (Ba triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi ba USD và năm mươi bốn cents).

- Tổng cộng số tiền quy đổi sang VNĐ (Tỷ giá quy đổi theo Ngân hàng B1: 1USD = 26.043 đồng) là: 397.051.420.165 đồng (Ba trăm chín mươi bảy tỷ, không trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng).

Nay Ngân hàng B1 yêu cầu Tòa án nhân dân Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xem xét giải quyết:

1. Buộc Công ty C thanh toán cho Ngân hàng B1 toàn bộ số tiền gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 15/06/2025 là: 28.718.564.082 đồng và 14.143.257,54 USD, quy đổi sang VNĐ (Tỷ giá quy đổi theo Ngân hàng B1: 1USD = 26.043 đồng) là: 397.051.420.165 đồng (Ba trăm chín mươi bảy tỷ, không trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng).

2. Buộc Công ty C thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính từ ngày 16/06/2025 theo lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, B kê rút vốn (Giấy nhận nợ vay) đã ký với Ngân hàng B1 cho đến khi Công ty C thanh toán xong nợ vay.

3. Kể từ ngày bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mãi toàn bộ tài sản theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn Công ty C trình bày:

Công ty C không đồng ý với số tiền nợ gốc và lãi mà nguyên đơn cung cấp bởi chưa nắm rõ các khoản vay. Yêu cầu làm rõ các khoản vay trung và ngắn hạn; đề nghị Ngân hàng B1 cung cấp bảng kê vay vốn có chi tiết đơn vị thụ hưởng.

Đề nghị xem xét vô hiệu hóa hợp đồng thế chấp 04 xe ô tô đầu kéo vì Ngân hàng B1 đã vi phạm cam kết giữa các bên.

Công ty C không được Ngân hàng B1 giải ngân đối với một số tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng B1, đề nghị làm rõ và cung cấp bảng kê khai từng tài sản thế chấp bảo đảm cho từng khoản vay.

Bị đơn Công ty C thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng số 871/2014/2961756/HĐTD ngày 13/08/2014; Hợp đồng tín dụng số 100/2019/2961756/HĐTD ngày 26/07/2019 cùng các hợp đồng thế chấp. Nhưng không đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng B1 với căn cứ việc ký các khoản vay nhưng Ngân hàng B1 chuyển tiền cho Công ty C qua tài khoản trung gian phía Công ty C không biết. Bên cạnh đó, đối với các hợp đồng tín dụng có bà Tạ Ngọc Âu T4; ông Tạ Minh T5; ông Biện Việt N ký đối với những khoản vay này phía bị đơn không biết và không ủy quyền việc ký các hợp đồng này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau) đã quyết định (tóm tắt).

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B1.

Buộc Công ty Cổ Phần C thanh toán cho Ngân hàng B1 toàn bộ số tiền gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 15/06/2025 là:

+ Tiền VNĐ: 17.000.000.000 đồng *(Mười bảy tỷ đồng);*

+ Tiền USD: 10.688.794 USD *(Mười triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm chín mươi bốn đô la Mỹ).*

- Dư nợ lãi:

+ Tiền VNĐ: 11.718.564.082 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi hai đồng);

+ Tiền USD: 3.454.463,54USD (Ba triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi ba USD và năm mươi bốn cents).

Tổng cộng là: 28.718.564.082 đồng và 14.143.257,54 USD, quy đổi sang VNĐ (Tỷ giá quy đổi theo Ngân hàng B1: 1USD = 26.043 đồng) là: 397.051.420.165 đồng.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà Công ty C phải thanh toán cho bên vay theo hợp đồng thì kể từ ngày tiếp theo (của ngày 15/06/2025) Công ty C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Trường hợp Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp số 136/2020/2961756/HĐBĐ ký ngày 20/08/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 158/2 014/2961756/HĐBĐ ký ngày 13/8/2014 và văn bản sửa đổi bổ sung; Hợp đồng thế chấp tài sản số 105/2016/2961756/HĐBĐ ngày 19/6/2016; Hợp

đồng thế chấp tài sản số 140/2016/2961756/HĐBĐ ngày 12/12/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2016/2961756/HĐBĐ ngày 30/5/2016 để thu hồi nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 bị đơn Công ty C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Phạm Xuân K là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty C và bà Âu Ngọc V cùng trình bày: Đối với các hợp đồng vay, các lần giải ngân, thu nợ có các giao dịch trùng lập, phía Ngân hàng B1 chưa chứng minh cụ thể những khoản nợ còn lại, chưa đối chiếu chứng cứ …

Do còn nhiều vấn đề phải đối chiếu, chứng minh, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B1 trình bày:

Quá trình vay, Công ty C có tất toán một số hợp đồng (cụ thể 19 hợp đồng), có trả lãi nhiều lần; Hồ sơ vay vốn Ngân hàng B1 đã cung cấp đầy đủ cho Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của Công ty C, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của Công ty C nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của Công ty C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục công khai chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi Tòa án cấp sơ thẩm từ chối đối soát dòng tiền.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm đề giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

[3] Xét kháng cáo của C2, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được bổ sung tại cấp sơ thẩm, cùng lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

[3.1] Về thu thập chứng cứ:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn nhiều lần có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu và đề nghị Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ nhằm làm rõ quá trình giải ngân, thu nợ, quản lý các tài khoản tiền gửi, tài khoản vay và việc hạch toán giữa các bên. Nội dung này tiếp tục được trình bày trong đơn kháng cáo và các văn bản bổ sung sau khi xét xử sơ thẩm.

Nội dung các yêu cầu này đã chỉ rõ từng nhóm tài liệu còn thiếu, bao gồm: Hồ sơ mở tài khoản, sao kê từng tài khoản theo từng năm, bảng kê thu nợ tự động, hồ sơ tiền gửi, chứng từ tất toán, hồ sơ giải ngân từng khoản vay, chứng từ chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng và các tài liệu kế toán có liên quan.

Những tài liệu, chứng cứ nêu trên tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng B1 mới cung cấp (hơn 2.000 bút lục).

Đối với các tài liệu do Ngân hàng B1 cung cấp tại cấp phúc thẩm nhằm giải trình nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là những chứng cứ có ý nghĩa quan trọng để làm rõ phương pháp tính lãi, lịch sử giải ngân và quá trình thu nợ của toàn bộ khoản vay. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ này chưa được cấp sơ thẩm thu thập, công khai và đánh giá theo đúng trình tự tố tụng; đồng thời bị đơn cũng chưa được thực hiện đầy đủ quyền tiếp cận chứng cứ đối với các tài liệu này tại cấp sơ thẩm.

Mặc khác, những tài liệu, chứng cứ mới do Ngân hàng B1 cung cấp tại cấp phúc thẩm là hơn 2.000 bút lục, nên cấp phúc thẩm không thể tiến hành xác minh, đối chiếu đầy đủ ngay tại phiên tòa.

[3.2] Về đánh giá chứng cứ:

Tại cấp sơ thẩm, C2 đã gửi các đơn đề nghị thu thập chứng cứ và văn bản B1 trả lời. Nhưng cấp sơ thẩm không xem xét, nhận định chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào bảng tính dư nợ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn để xác định số tiền nợ gốc, lãi mà chưa tiến hành kiểm tra, đối chiếu đầy đủ toàn bộ chứng từ giải ngân, chứng từ thu nợ, lịch sử hạch toán của từng khoản vay, từng lần giải ngân, từng lần thu nợ. Việc đánh giá chứng cứ như trên, là chưa toàn diện.

Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng việc Ngân hàng B1 thu nợ trước hạn, thời điểm bắt đầu tính lãi và việc hạch toán trên cùng một tài khoản vay là không phù hợp với bản chất của hợp đồng tín dụng. Các nội dung mà bị đơn phản bác nêu trên liên quan trực tiếp đến việc xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Tuy nhiên, những vấn đề

trên chưa được cấp sơ thẩm làm rõ như: Chưa tiến hành đối chiếu giữa hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, chứng từ giải ngân, chứng từ thu nợ và bảng tính dư nợ để kiểm tra tính chính xác của số tiền nguyên đơn yêu cầu.

[4] Nhận thấy việc Ngân hàng B1 cung cấp thêm nhiều chứng cứ mới, mà chưa được cấp sơ thẩm công khai và đánh giá theo đúng trình tự tố tụng, cho thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự.

Để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty C, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Khi giải quyết lại vụ án, ngoài khắc phục những thiếu sót nêu trên, cấp sơ thẩm cần lưu ý về tình tiết bị đơn cho là Ngân hàng đã thực hiện nhiều khoản giải ngân bằng hình thức chuyển tiền trực tiếp cho các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhưng có những khoản bị đơn không thống nhất và bị đơn chưa được đối chiếu đầy đủ các chứng từ liên quan đến các khoản giải ngân liên quan. Vấn đề này, nếu các chứng từ có từ Ngân hàng không chứng minh đầy đủ theo ý kiến của bị đơn, Tòa án sơ thẩm cần cân nhắc việc thu thập lời khai, chứng từ hoặc xác minh tại các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Công ty C, nếu bị đơn có yêu cầu cụ thể về từng khoản giải ngân và từng đơn vị thụ hưởng, để làm rõ quá trình giải ngân.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và ý kiến của các đương sự liên quan đến nội dung kháng cáo, sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Chi phí tố tụng và án phí:

Chi phí tố tụng và án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy nên Công ty C không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã dự nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau).

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Chi phí tố tụng và án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, theo biên lai số 0011572 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập **Phan Thanh Hải** **Đỗ Cao Khánh**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh